

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS, THPT
ALBERT EINSTEIN
Số: 019/ESH/CK2526

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG
GIÁO DỤC QUỐC DÂN TẠI TRƯỜNG TH, THCS, THPT ALBERT EINSTEIN
NĂM HỌC 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH, THCS, THPT Albert Einstein

2. Địa chỉ: KDC 13 C, Đường số 12, Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Điện thoại: (+84) 28 376 12345

4. Trang thông tin điện tử: esh.edu.vn

5. Địa chỉ thư điện tử: info@esh.edu.vn

6. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục, Quá trình hình thành và phát triển

Chi tiết tại mục “**Giới thiệu**” trên trang điện tử của trường.

7. Thông tin pháp lý:

a) Loại hình cơ sở giáo dục: Tư thục

b) Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

c) Tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công ty cổ phần trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Albert Einstein

d) Người đại diện pháp luật: Thầy Nguyễn Văn Đạt

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: KDC 13 C, Đường số 12, Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (+84) 28 376 12345
- Thư điện tử: slt@esh.edu.vn

8. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng ...

Tên Quyết định	Số Quyết định	Ngày cấp
Quyết định của UBND TPHCM cho phép thành lập:	894/QĐ-UBND	26/02/2014
Quyết định của Sở GD&ĐT TP.HCM cho phép hoạt động giáo dục:	1725/QĐ-GDĐT-TC	08/07/2019
Quyết định công nhận Hiệu trưởng của Sở GD&ĐT TP.HCM:	516/QĐ-GDĐT-TC	24/03/2020
Quyết định công nhận Hội đồng trường của Sở GD&ĐT TP.HCM	1269/QĐ-SGDĐT	16/05/2023
Quyết định công nhận Chủ tịch hội đồng trường	1277/QĐ-SGDĐT	16/05/2023
Quyết định tổ chức dạy 2 buổi/ngày của Sở GD&ĐT TP.HCM	1012/QĐ-GDĐT-TC	19/05/2017
Quyết định phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp của Bộ GD&ĐT	627/QĐ-BGDĐT	05/03/2020
Quyết định phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài của Sở GD&ĐT TP.HCM	716/QĐ-GDĐT-TC	06/05/2020

b) Danh sách hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường.

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch

2	Bà Trịnh Quang Đồng Thảo	Ủy viên
3	Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
4	Ông Nguyễn Văn Đạt	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Ủy viên

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số Quyết định	Ngày cấp
1	Ông Nguyễn Văn Đạt	Hiệu trưởng	516/QĐ-GDĐT-TC	24/3/2020

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

a) Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và hoạt động tuyển sinh của cơ sở giáo dục: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Giới thiệu**”, “**Tuyển sinh**”, “**Chương trình bồi trợ**” và “**Lộ trình học tập**”)

b) Các văn bản khác của trường: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Tin tức & Sự kiện**” / “**Thông báo**”)

10. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường TH, THCS, THPT Albert Einstein (gọi tắt là Einstein School – ESH) được thành lập năm 2014 tại TP.HCM, là thành viên của hệ thống trường Quốc tế Canada (CISS). Trường giảng dạy theo chương trình của Bộ GD&ĐT (MOET) kết hợp tăng cường tiếng Anh, đồng thời định hướng phát triển trở thành cơ sở giáo dục hàng đầu trong lĩnh vực STEM.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

S T T	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025						Tổng số	Năm học 2025-2026					
			Trình độ đào tạo							Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC		TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ	108							108						

	quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	GVCN khối tiểu học	20		1	19				20		1	19			
2	Toán	6		3	3				6		3	3			
3	Lý	3			3				3			3			
4	Hóa	2		1	1				2		1	1			
5	Văn	5		2	3				5		2	3			
6	Sử	2			2				2			2			
7	Địa	2			2				2			2			
8	Sinh	1		1					1		1				
9	Tin	3			3				3			3			
10	Công dân	2			2				2			2			
11	Tiếng Anh	21		1	20				21		1	20			
12	Thể dục & Bơi	6			6				6			6			
13	Âm nhạc	2			2				2			2			
14	Mỹ thuật	4			4				4			4			
15	GDQP	1			1				1			1			
16	KHCN	4			4				4			4			
17	Toán TA Tiểu học	4		1	3				4		1	3			
18	Tâm lý	3		1	2				3		1	2			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1					1		1				

II I	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1				1			1			
2	Nhân viên kế toán	4			4				4			4			
3	Thủ quỹ	1			1				1			1			
4	Nhân viên y tế	2				1	1		2				1	1	
5	Nhân viên thư viện	1				1			1				1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1				1			1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1		1					1		1				
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1			1				1		
9	Học vụ	4			4				4			4			

- Thông tin chi tiết về Đội ngũ Giáo viên và Ban Quản lý được cập nhật trên chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Giới thiệu**”)
- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 84 giáo viên và 1 cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định. Tỷ lệ 100%.
 - Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 84 giáo viên và 1 cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. Tỷ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và thiết bị học tập

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	108	58 m ²	108	58 m ²
II	Loại phòng học		-		-
1	Phòng học kiên cố	108	58 m ²	108	58 m ²
5	Số phòng học bộ môn	10	65 m ²	10	65 m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	64 m ²	2	64 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	0.4	63 m ²	0.4	63 m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	18.5	63 m ²	18.5	63 m ²
III	Số điểm trường	1	6.804 m ²	1	6.804 m ²
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	15.917 m ²		15.917 m ²	
V	Tổng diện tích các phòng				
1	Diện tích phòng học (m ²)	55 m ²		55 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	64 m ²		64 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	150 m ² /Phòng		150 m ² /Phòng	

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1600 m ²		1600 m ²	
---	---	---------------------	--	---------------------	--

	Nội dung	Số lượng (m ²)	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	120 m ²	120 m ²
XI	Nhà ăn	820 m ²	820 m ²

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số lượng (m ²)	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		21 x 25 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	https://esh.edu.vn/	
XIX	Tường rào xây	x	

2, Danh mục sách giáo khoa:

- Bộ sách Chân trời sáng tạo: từ Khối 1 - 12

Và một số môn học sử dụng từ các bộ sách khác:

- **Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống** (Tin học 7 - 12; GD Thể chất 9; GD Thể chất 12; Công nghệ 10-12)
- **Bộ Cánh Diều:** (KHTN 9, GD Thể chất 10-11; GDQP 10-12; Sinh học 11-12)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a, Kiểm định Cognia: Trường Albert Einstein đạt kiểm định chất lượng Quốc tế Cognia của Mỹ năm 2023 cùng với hệ thống trường Quốc tế Canada. (Cognia là tổ chức kiểm định lớn nhất thế giới, có lịch sử 125 năm, đã thực hiện kiểm định 40.000 trường học/tổ chức tại 85 quốc gia trên toàn thế giới. Cognia sở hữu những cơ quan kiểm định vùng lớn nhất tại Mỹ (NCA CASI, NWAC, SACS CASI).

b, Báo cáo đánh giá ngoài: đang hoàn thành giai đoạn 1, tháng 9/2025 Sở GD&ĐT sẽ tổ chức đoàn kiểm tra đến trường để làm việc cho các bước tiếp theo.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp
1	Điều kiện tuyển sinh	- Khi có chỉ tiêu. - Học sinh trong độ tuổi quy định - Đáp ứng các điều kiện khác được quy định của Nhà trường. Ngoài ra: - Lớp 6: Hoàn thành chương trình Tiểu học - Lớp 10: Tốt nghiệp THCS
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- MOET + Tiếng Anh tăng cường - Chương trình song ngữ (tích hợp)
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Yêu cầu gia đình hợp tác chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau qua các kênh: email, MegaEdu, website, điện thoại ... - Yêu cầu về hành vi, thái độ của HS được thể hiện theo chương trình giáo dục tính cách bằng hành động (10 tính cách).

4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Chương trình hỗ trợ Tiếng Anh (ELL). - Chương trình hỗ trợ học sinh gặp vấn đề khó khăn trong học tập, tâm lý, hành vi,.. (SEL). - Chương trình tham vấn học đường. - Chương trình tư vấn hướng nghiệp.
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Nhà trường cam kết năng lực, phẩm chất, sức khỏe của học sinh theo các chương trình đang triển khai.
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Nhà trường cam kết chất lượng với việc thực hiện đúng, hiệu quả các chương trình giảng dạy đang thực hiện, đồng thời đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ để đảm bảo khả năng học tập tiếp thu của HS. - Tất cả học sinh khối 12 sau khi TN THPT sẽ tiếp tục học đại học (đi du học hoặc học đại học trong nước).
7	Chỉ tiêu tuyển sinh	Tất cả các cấp lớp từ 1 - 12

2. Kết quả giáo dục thực tế:

- Khối Tiểu Học

STT	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025					Tổng số	Năm học 2023-2024				
			Chia ra theo khối lớp						Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	412	73	74	90	83	92	420	65	86	77	81	111
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	412	73	74	90	83	92	420	65	86	77	81	111
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	412	73	74	90	83	92	420	65	86	77	81	111

1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99%	99%	99%	99%	97%	99%	97%	94%	96%	96%	98%	100%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1%	1%	1%	1%	3%	1%	3%	6%	5%	4%	2%	0%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	412	73	74	90	83	92	420	65	86	77	81	111
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	70%	81%	84%	75%	54%	54%						
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	10%	7%	3%	5%	19%	16%	81%	86%	90%	73%	71%	87%
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	20%	12%	13%	20%	26%	30%	19%	14%	10%	27%	29%	13%
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	412	73	74	90	83	92						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	76%	81%	87%	76%	74%	62%	91%	100%	53%	100%	100%	100%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	9%	0%	47%	0%	0%	0%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

- Khối THCS & THPT

ST T	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025	Tổng số	Năm học 2023-2024
			Chia ra theo khối lớp		Chia ra theo khối lớp

			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	471	100	118	75	57	53	35	33	408	114	72	59	64	40	36	23
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97%	99%	100%	93%	100%	96%	97%	100%	92%	94%	89%	100%	98%	63%	97%	100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2%	0%	0%	4%	0%	4%	3%	0%	7%	6%	11%	0%	2%	35%	0%	0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1%	1%	0%	3%	0%	0%	0%	0%	1%	0%	0%	0%	0%	2%	3%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	471	100	118	75	57	53	35	33	408	114	72	59	64	40	36	23
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	37%	27%	28%	35%	44%	43%	43%	42%	37%	32%	31%	51%	47%	30%	28%	27%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	43%	50%	47%	37%	44%	40%	31%	52%	45%	48%	54%	35%	37%	45%	47%	33%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	19%	22%	24%	28%	12%	17%	26%	6%	18%	20%	15%	14%	16%	25%	25%	10%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1%	1%	1%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

III	Tổng hợp kết quả cuối năm	471	100	118	75	57	53	35	33	408	114	72	59	64	40	36	23
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99%	99%	99%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	9%	7%	4%	12%	16%	8%	9%	6%	17%	5%	7%	24%	47%	5%	8%	27%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23%	20%	24%	23%	28%	36%	34%	36%	28%	27%	22%	27%	37%	25%	19%	11%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1%	1%	1%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	17/8/29	98/1	11/8	8/7	5/4	53/0	2/6	1/3	170/31	113/2	1/12	5/6	4/7	40/0	4/3	3/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi																
1	Cấp huyện	6	-	3	-	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-

2	Cấp tỉnh/thành phố	19	7	5	-	7	-	-	-	-	-	-	4	1	-	-	-
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	17	6	9	-	2	-	-	-	33	23	2	8	-	-	-	-
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		-	-	-	57	-	-		87	-	-	-	64	-	-	23
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp		-	-	-	57	-	-		85	-	-	-	64	-	-	21
1	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%
2	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	252/219	48/52	61/57	39/36	37/20	25/28	21/14	21/12	234/174	61/53	41/31	38/21	30/34	22/18	25/11	13/10
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	35	5	8	11	6	2	0	3	14	0	4	6	2	0	2	0

- Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học/ Cao đẳng

STT	Học sinh lớp 12 trúng tuyển Đại học, Cao đẳng	Năm học 2024- 2025		Năm học 2023- 2024	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	ĐH-CD tại Việt Nam	chưa có	chưa có	16	48.5

2	ĐH-CD Quốc tế tại VN	chưa có	chưa có	8	24.2
3	Du học	chưa có	chưa có	7	21.2
4	Khác	chưa có	chưa có	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. a. Các khoản thu: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “Tuyển sinh”)

STT	MỤC	2025-2026	2024-2025
1	Học phí	92%	92%
2	Phí dịch vụ trong hoạt động giáo dục	7%	7%
3	Khác	1%	1%
	Tổng cộng	100%	100%

1.b. Các khoản chi:

STT	Nội dung khoản mục tiêu	2025-2026	2024-2025
1	Chi phí hành chính	9%	7%
2	Chi phí nhân sự	45%	57%
3	Chi phí giáo dục	15%	9%
4	Chi phí Marketing	4%	6%
5	Chi phí cơ sở vật chất	21%	18%
6	Chi phí khác	6%	3%
	TỔNG CỘNG	100%	100%

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “Tuyển sinh”)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

a. Chính sách : Mức giảm giá từ 5% đến 37,83%

b. Kết quả thực hiện

Đơn vị tính: Số lượng học sinh

STT	Nội dung chính sách	Năm học 2025 - 2026 (Dự kiến)	Năm học 2024-2025
1	Miễn	8	8
2	Học bổng	70	70
3	Chính sách ưu đãi khác	Áp dụng theo từng thời điểm tuyển sinh	Áp dụng theo từng thời điểm tuyển sinh

4. Nhà trường không có số dư tại các quỹ thuộc ngân sách Nhà nước hoặc các quỹ đặc thù theo quy định.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở như sau:

- Nhà trường không có tài sản công hoặc quỹ đặc thù thuộc ngân sách Nhà nước.
- Trường đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm theo quy định.
- Về báo cáo kiểm toán: Trong năm tài chính 2024 - 2025, nhà trường đã lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) làm đơn vị kiểm toán độc lập. Đến thời điểm hiện tại, báo cáo kiểm toán chưa được phát hành. Sau khi có kết quả kiểm toán chính thức, nhà trường sẽ cập nhật và công khai theo quy định.
- Các nội dung công khai tài chính khác sẽ được cập nhật khi có phát sinh hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Trường tổ chức đào tạo Chương trình Leader in me cho giáo viên tổ trưởng/khối trưởng và giáo viên chủ nhiệm. Tổ chức các ngày định hướng chuyên môn, phát triển chuyên môn cho đội ngũ sư phạm nhà trường 5 lần trong năm học 2024-2025.

Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục thông qua các hoạt động giao lưu, kết nối với các trường đối tác trong hệ thống tập đoàn EQuest.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục: tập huấn hướng đến sử dụng học bạ số, chữ ký số. Tăng cường sử dụng phần mềm Mega School trong điểm danh, quản lý học sinh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2025

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt



EINSTEIN SCHOOL
HO CHI MINH CITY



**TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO DỰ KIẾN CHI PHÍ CHO GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung khoản mục tiêu	2025 - 2026
1	Chi phí hành chính	9%
2	Chi phí nhân sự	50%
3	Chi phí giáo dục	10%
4	Chi phí marketing	4%
5	Chi phí cơ sở vật chất	21%
6	Chi phí khác	7%
TỔNG CỘNG		100%

Ngày 19 tháng 5 năm 2025

Hiệu trưởng *Minh*

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt